

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN PHONG  
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 35/2022/DSST

Ngày 16/9/2022

*“V/v tranh chấp HĐ vay tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG**

***Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Huệ.

*Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thế Long và ông Kiều Văn Dậu.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Tạ Thị Bích Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Phong.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên tòa:* Ông Dương Minh Quang, Kiểm sát viên.

Ngày 23/8/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thụ lý số: 33/2022/TLST-DS, ngày 14/4/2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 8 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Bà Đàm Thị T, sinh năm 1959. (Có mặt).

Trú tại: Thôn Hợp Lý, xã Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Bà Mẫn Thị M, sinh năm 1963.

Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1961.

Cùng HKTT: Thôn Quan Đình, xã Văn Môn, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh;

- Đại diện ủy quyền cho bị đơn là: Ông Hoàng Đắc T, sinh năm 1962. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Phán Động, xã Tam Đa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/4/2022 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là bà Đàm Thị T trình bày:*

Do có quan hệ quen biết từ trước nên bà cho ông Q và bà M vay tiền. Ngày 04/6/2008 (âm lịch) tức ngày 06/7/2008 (dương lịch) bà cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Q và bà Mẫn Thị M vay số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Bà Mẫn Thị M có viết biên nhận về việc vay tiền của bà với số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) do chính tay bà M tự viết, có chữ ký của bà M và ông Q.

Bà là người đã giao trực tiếp cho ông Q và bà M đủ số tiền 500.000.000 đồng này tại nhà ông Q và bà M.

Khi vay, ông Q và bà M nói mục đích vay là để mua đất. Về thời hạn vay, hai bên thỏa thuận miệng là khi nào bà cần đến tiền thì ông Q, bà M sẽ trả ngay nhưng hai bên không thỏa thuận cụ thể thời hạn trả tiền là vào ngày tháng năm nào. Về lãi suất, hai bên cũng thỏa thuận miệng là 2%/tháng.

Từ khi vay tiền của bà đến nay, vợ chồng ông Q và bà M không trả bà số tiền nợ gốc nào còn số tiền nợ lãi thì trả bà được 03 tháng với số tiền là 30.000.000đồng. Vào ngày 07/7/2008 (dương lịch) bà cần đến tiền, bà yêu cầu trả tiền thì ông Q và bà M nói là chưa có tiền trả bà. Sau đó, nhiều lần và liên tục bà đến nhà cũng như điện thoại cho bà M, ông Q để yêu cầu trả tiền bà nhưng vợ chồng ông Q và bà M đều hứa hẹn rồi không trả tiền cho bà.

Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Q và bà M phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 500.000.000đồng (Năm trăm triệu đồng) và số tiền lãi theo lãi suất 9%/năm từ ngày 06/7/2008 dương lịch đến khi xét xử, trừ đi 30.000.000đồng là số tiền mà bà M, ông Q đã trả tiền lãi cho bà.

*Phía bị đơn là bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn Q trình bày:* Ngày 04/6/2008 (âm lịch) tức ngày 06/7/2008 (dương lịch), bà M vợ của ông Q vay số tiền là 500.000.000đồng (năm trăm triệu đồng) của bà T, chứ không phải cả bà M và ông Q vay tiền, ông Q không vay tiền của bà T. Khi vay, hai bên không thỏa thuận về lãi suất và vay không kỳ hạn. Bà M viết biên nhận về việc vay tiền bà T và có ký nhận vay tiền 500.000.000đồng (năm trăm triệu đồng), còn ông Q có ký vào giấy tờ này là với tư cách người làm chứng nên bà T không thể yêu cầu bà M và ông Q trả tiền vay cho bà T. Mục đích vay là bà M cho người khác vay tiền để buôn đồng, nhôm, gỗ “không mang mục đích có lợi nhuận để dùng vào mục đích duy trì, phát triển kinh tế phục vụ gia đình ...”, bà M đã khởi kiện một số người khác ra Tòa án về việc vay tiền bà nhưng không trả, bà đang chờ thi hành án những số tiền đó để lấy tiền trả cho bà T 500.000.000đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/7/2022, bà M trình bày: Giữa vợ chồng bà và bà Đàm Thị T, sinh năm 1959 là người ở Bắc Giang có quan hệ quen biết nên ngày 04/6/2008 (âm lịch) tức ngày 06/7/2008 (dương lịch) bà T có mang tiền đến nhà bà để cho vợ chồng bà vay. Số tiền vợ chồng bà vay của bà T là 500.000.000đồng (năm trăm triệu đồng). Khi vay, vợ chồng bà trực tiếp nhận số tiền 500.000.000đồng từ bà T. Bà M xác định bà là người trực tiếp viết biên nhận và vợ chồng bà cùng ký nhận về việc vay tiền của bà T số tiền này rồi đưa giấy tờ đó cho bà T quản lý. Hai bên thỏa thuận miệng về lãi suất vay là 3%/tháng và cũng thỏa thuận miệng về thời hạn vay là không kỳ hạn. Mục đích vợ chồng bà vay tiền của bà T là cho người khác vay tiền để lấy tiền lãi nhằm phục vụ chi tiêu sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong gia đình. Nhưng không may do làm ăn kinh tế khó khăn nên gia đình bà không đòi được tiền những người đã vay của vợ chồng bà. Bà T có yêu cầu vợ chồng bà trả tiền đã vay nhưng vì lý do dịch bệnh Covid 2019, làm ăn kinh tế khó khăn nên từ khi vay tiền đến nay, vợ chồng bà chưa trả số tiền nợ gốc 500.000.000đồng (năm trăm

triệu đồng) cho bà T. Còn về số tiền lãi thì bà đã trả cho bà T theo lãi suất vay là 3%/tháng được khoảng vài tháng nhưng tôi không nhớ cụ thể là được bao nhiêu tháng, đến thời điểm nào vì lâu ngày. Khi bà trả tiền lãi cho bà T thì chỉ đưa tiền cho nhau không có giấy tờ, không có người làm chứng hay căn cứ gì vì tin tưởng nhau.

Đến nay, bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà trả số tiền đã vay và tiền lãi thì vợ chồng bà nhất trí trả cho bà T số tiền nợ gốc là 500.000.000đồng (năm trăm triệu đồng), còn tiền lãi thì bà xin trả bà T với mức lãi suất thấp nhất. Chồng bà bị bệnh hiểm nghèo, ung thư vòm họng đang điều trị tại bệnh viện K ở Hà Nội và mẹ đẻ của bà già yếu bà phải chăm sóc nên gia đình bà mong Tòa án hòa giải cho vợ chồng bà với bà T. Vợ chồng bà vay tiền bà T, còn không vay và không liên quan gì đến chồng bà T là ông Thi về việc vay tiền trong vụ án này.

Ngày 07/9/2022, Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh có nhận được đơn trình bày của bà M được gửi qua bưu điện với nội dung: khoản vay 500.000.000đồng của bà T với lãi suất vay là 3%/tháng và đã trả tiền lãi cho bà T được khoảng vài tháng là do bà nhớ nhầm sang khoản vay khác của bà T vào thời gian trước năm 2007, hai bên đã thanh toán xong. Khoản vay 500.000.000đồng của bà T lần này là không thỏa thuận lãi suất và bà không trả được bất kỳ khoản tiền nào cho bà T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn là đúng pháp luật. Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn chấp hành không đúng pháp luật, vắng mặt trong phiên tòa ngày 23/8/2022 và hôm nay.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điều 26, 35, 39, 147, 232 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các điều 471, 474, 476; khoản 2 điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005.

Áp dụng các điều 463, 466, 468; khoản 2 điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Chấp nhận T bộ đơn khởi kiện của bà Đàm Thị T.

- Buộc bà Mẫn Thị M và ông Nguyễn Văn Q phải có nghĩa vụ trả cho bà Đàm Thị T số tiền gốc là 500.000.000đồng (Năm trăm triệu đồng) và số tiền lãi theo mức lãi suất 9%/năm từ ngày 06/7/2008 dương lịch đến ngày 16/9/2022, trừ đi 30.000.000đồng là số tiền mà bà M, ông Q đã trả tiền lãi, còn lại là 608.750.000 đồng, tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi là 1.108.750.000đồng.

Về án phí: Bà Mẫn Thị M phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Miễn án phí Dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn Q.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1]Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất hợp lệ đối với các đương sự và ông Hoàng Đắc T (là người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn) đến Tòa án để tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng các đương sự vắng mặt. Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa, sau đó Tòa án đã giao Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đối với các đương sự và ông T để tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng nguyên đơn có mặt còn ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn theo qui định tại Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Bà T yêu cầu vợ chồng bà M và ông Q có hộ khẩu thường trú tại thôn Quan Đình, xã Văn Môn, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh phải trả số tiền gốc là 500.000.000 đồng và lãi. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Tòa án nhân dân huyện Yên Phong đã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 điều 26; điều 35; điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về nội dung:

Xét thấy, tại giấy biên nhận về việc vay tiền ngày 04/6/2008 (âm lịch) thể hiện ông Q và bà M vay của bà T số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Bà T khai rằng ông Q và bà M vay bà số tiền này, hai bên không thỏa thuận cụ thể thời hạn trả tiền là vào ngày tháng năm nào, lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai bà M cũng thừa nhận ngày 04/6/2008 (âm lịch) tức ngày 06/7/2008 (dương lịch) bà T có mang tiền đến nhà bà để cho vợ chồng bà vay là 500.000.000đồng (Năm trăm triệu đồng). Hai bên thỏa thuận miệng về lãi suất vay là 3%/tháng và cũng thỏa thuận miệng về thời hạn vay là không kỳ hạn. Bà M có xác định rằng vợ chồng bà chưa trả số tiền nợ gốc 500.000.000đồng (năm trăm triệu đồng) cho bà T, còn về số tiền lãi thì bà đã trả cho bà T theo lãi suất vay là 3%/tháng được khoảng vài tháng. Ngày 07/9/2022, bà M có đơn trình bày với nội dung: lời khai tại Tòa án về khoản vay 500.000.000đồng của bà T với lãi suất vay là 3%/tháng và đã trả tiền lãi được khoảng vài tháng là do bà nhớ nhầm sang khoản vay khác do bà vay của bà T vào thời gian trước năm 2007 mà hai bên đã thanh toán xong. Khoản vay 500.000.000đồng của bà T lần này là không thỏa thuận lãi suất và bà không trả được bất kỳ khoản tiền nào cho bà T. Bà T cho rằng lời khai này của bà M là cố tình nài ra, không có căn cứ và không đúng sự thật. Từ những lời khai trên của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và có tranh chấp về lãi.

Phía bà T trình bày có cho vợ chồng ông Q và bà M vay số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Bà M có viết biên nhận về việc vay tiền do chính tay bà M tự viết, có chữ ký của bà M và ông Q. Bà T đã giao đầy đủ số tiền vay đó trực tiếp cho ông Q và bà M tại nhà ông Q và bà M. Số tiền này là của riêng bà, không liên quan đến chồng bà là ông Bùi Văn Thi.

Phía bà M, ông Q trình bày, ngày 04/6/2008 (âm lịch) tức ngày 06/7/2008 (dương lịch) bà M vợ của ông Q có vay của bà T số tiền là 500.000.000đồng (Năm trăm triệu đồng), chứ không phải cả bà M và ông Q vay tiền, ông Q không vay tiền của bà T. Bà M viết biên nhận về việc vay tiền bà T và có ký nhận vay tiền, còn ông Q có ký vào giấy tờ này là với tư cách người làm chứng nên bà T không thể yêu cầu bà M và ông Q trả tiền vay cho bà T. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai bà M trình bày: ngày 04/6/2008 (âm lịch) tức ngày 06/7/2008 (dương lịch) bà T có mang tiền đến nhà bà để cho vợ chồng bà vay 500.000.000đồng (Năm trăm triệu đồng). Vợ chồng bà trực tiếp nhận số tiền này từ bà T. Bà là người trực tiếp viết biên nhận và vợ chồng bà cùng ký nhận về việc vay tiền của bà T. Vợ chồng bà chưa trả số tiền nợ gốc 500.000.000đồng (Năm trăm triệu đồng) cho bà T. Bà T đã yêu cầu bà M và ông Q trả nợ tiền nhưng bà M và ông Q hứa hẹn nhiều lần và vẫn không trả được nợ. Bà T làm đơn khởi kiện yêu cầu bà M và ông Q phải có nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ chấp nhận, cần buộc bà M và ông Q phải trả cho bà T số tiền nợ gốc là 500.000.000đồng (Năm trăm triệu đồng).

Về lãi suất: Bà T yêu cầu bà M và ông Q phải trả cho bà số tiền lãi theo mức lãi suất 9%/năm từ ngày 06/7/2008 dương lịch đến khi xét xử, trừ đi 30.000.000đồng là số tiền lãi mà bà M, ông Q đã trả cho bà T. Xét thấy, đây là hợp đồng vay tài sản có lãi nhưng có tranh chấp về mức lãi suất. Bà T yêu cầu trả lãi, bởi vậy bà M và ông Q phải trả lãi là có căn cứ.

Xét yêu cầu trả lãi của bà T là không vượt quá mức lãi suất giới hạn được quy định tại khoản 2 điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, do vậy cần chấp nhận, cụ thể:

$500.000.000\text{đồng} \times 9\%/\text{năm} \times 14 \text{ năm } 02 \text{ tháng } 10 \text{ ngày} = 638.750.000\text{đồng}.$

$638.750.000\text{đồng} - 30.000.000\text{đồng} = 608.750.000 \text{ đồng}.$

Tổng cộng cả gốc và lãi là 1.108.750.000đồng.

[3] Về án phí: Vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, do vậy bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bị đơn là bà M và ông Q có đơn xin miễn nộp tiền án phí vì lý do thuộc trường hợp người cao tuổi và điều kiện kinh tế khó khăn. Hội đồng xét xử xét thấy, bà M không thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí nên cần buộc bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Riêng đối với ông Nguyễn Văn Q thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các điều 471, 474, 476; khoản 2 điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ các điều 463, 466, 468; khoản 2 điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 143, 144, 146, khoản 5 điều 147, 203, 220, 227, 228, 233, 235, 264, 266, 267, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận T bộ đơn khởi kiện của bà Đàm Thị T.

2. Buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Mẫn Thị M phải có nghĩa vụ trả cho bà Đàm Thị T số tiền nợ gốc là 500.000.000đồng (Năm trăm triệu đồng) và số tiền nợ lãi là 608.750.000 đồng. Tổng cộng số tiền nợ gốc và nợ lãi là 1.108.750.000đồng (Một tỷ một trăm linh tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chưa thi hành án theo quy định tại điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Bà Mẫn Thị M phải chịu 22.631.250 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với ông Nguyễn Văn Q.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKS h. Yên Phong.
- THADS h. Yên Phong.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ.

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thế Long**

**Kiều Văn Dậu**

**Nguyễn Thị Minh Huệ**